

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THỦY NGUYÊN  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 121/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 05 - 7 - 2024

V/v ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦY NGUYÊN - THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Huân.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Nguyễn Thị Vân.

Ông Doãn Văn Sáng.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Thị Bích Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên tham gia phiên tòa:* Bà Bùi Thị Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 125/2024/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2024 về ly hôn và nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 118/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 87/2024/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2024 và Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 280/TB-TA ngày 01 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phùng Thị N; nơi cư trú: Thôn D, xã H, huyện T, thành phố Hải Phòng. Có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Danh T; nơi cư trú: Thôn D, xã H, huyện T, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Phùng Thị N là nguyên đơn, khởi kiện với nội dung chị và anh Danh T kết hôn trên cơ sở được tìm hiểu tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục và có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, thành phố Cần Thơ vào ngày 22 tháng 9 năm 2010. Sau lễ cưới, chị về chung sống cùng anh T tại nhà của bố mẹ đẻ của anh T tại xã T, huyện C một thời gian ngắn, sau đó do điều kiện công việc nên đến cuối năm 2010 chị và anh T chuyển về sinh sống ổn định tại thôn D, xã H, huyện T, thành phố Hải Phòng từ đó cho đến nay. Vợ chồng chị được bố mẹ đẻ của chị cho một diện tích đất nhỏ để dựng nhà làm nơi sinh hoạt riêng. Quá trình chung sống, vợ chồng hòa thuận và có ba con chung, đến tháng 8

năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị **N** trình bày là do vợ chồng tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống; vợ chồng hay xảy ra cãi vã xúc phạm lẫn nhau. Tình cảm thờ ơ lạnh nhạt và không còn quan tâm đến đời sống của nhau. Gia đình đã biết mâu thuẫn vợ chồng và hòa giải nhưng không có kết quả. Đầu năm 2023, chị **N** đã làm đơn xin ly hôn với anh **T** và gửi đến Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên. Sau đó, do muốn vợ chồng có cơ hội đoàn tụ nên chị **N** đã rút đơn khởi kiện. Đến nay xác định tình cảm vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ nên chị **N** tiếp tục làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh **Danh T**. Chị **N** và anh **T** có 03 con chung tên **Danh Thị Hồng N1** sinh ngày 02 tháng 5 năm 2011, **Danh Thúy H**, sinh ngày 11 tháng 5 năm 2014 và **Danh Bảo N2**, sinh ngày 05 tháng 3 năm 2020. Khi ly hôn, chị **N** đề nghị để anh **T** được trực tiếp nuôi ba con chung. Cấp dưỡng nuôi con, do chị và anh **T** tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, chị **N** không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 03/6/2024, bị đơn là anh **Danh T** trình bày thống nhất với chị **N** về thời gian và điều kiện kết hôn. Theo anh **T**, cuộc sống chung vợ chồng không tránh khỏi mâu thuẫn, lúc nóng giận anh **T** thiếu kiềm chế dẫn đến đánh chị **N**, nhưng không có thương tích gì. Chị **N** đã bỏ ra ngoài ở từ tháng 8 năm 2023, vợ chồng sống ly thân nhau từ đó cho đến nay. Nay, chị **N** làm đơn xin ly hôn với anh **T**, quan điểm của anh là mong muốn chị **N** rút đơn để vợ chồng đoàn tụ cùng nuôi dạy con cái. Ba con chung tên **Danh Thị Hồng N1**, **Danh Thúy H** và **Danh Bảo N2** đều đang ở cùng anh **T**. Trường hợp vợ chồng ly hôn, anh **T** đề nghị được nuôi cả ba con và không yêu cầu chị **N** cấp dưỡng nuôi con. Vợ chồng anh không có tài sản chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng như sau: Về thẩm quyền giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên đã tuân theo đúng quy định của pháp luật quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tiến hành giải quyết vụ án theo đúng trình tự thủ tục do pháp luật quy định. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 71 và Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 72 và Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị **Phùng Thị N** được ly hôn với anh **Danh T**. Giao ba con chung tên **Danh Thị Hồng N1**, **Danh Thúy H** và **Danh Bảo N2** cho anh **D T** trực tiếp nuôi dưỡng. Nguyên đơn nộp án phí theo quy định của pháp luật.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết

Chị **Phùng Thị N** có đơn xin ly hôn với anh **Danh T**. Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân

sự. Anh **Danh T** hiện đang cư trú tại **thôn D, xã H, huyện T, thành phố Hải Phòng**. Căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của bị đơn

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về yêu cầu của chị **Phùng Thị N** ly hôn với anh **Danh T**

Chị **Phùng Thị N** và anh **Danh T** kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đủ điều kiện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Do đó, việc kết hôn giữa chị **N** và anh **T** là hợp pháp. Qua lời khai của đương sự và tài liệu xác minh tại địa phương thống nhất thể hiện, đời sống chung của chị **N** và anh **T** đã phát sinh mâu thuẫn và dẫn đến việc vợ chồng sống ly thân nhau từ giữa năm 2023 cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hòa hợp, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, trong quan hệ tình cảm vợ chồng không còn tin tưởng và chia sẻ cùng nhau. Gia đình đã động viên nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không được cải thiện. Đầu năm 2023, chị **N** đã gửi đơn ly hôn với anh **T**, nhưng sau đó rút đơn để có thêm thời gian hàn gắn quan hệ vợ chồng. Tuy nhiên, mâu thuẫn vợ chồng vẫn không được cải thiện, vợ chồng vẫn không về ở cùng nhau nên đến tháng 4 năm 2024 chị **N** tiếp tục làm đơn ly hôn với anh **T**. Xét thấy, giữa vợ và chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; vợ chồng có nghĩa vụ chung sống cùng nhau. Tuy nhiên, thực tế chị **N** và anh **T** đã sống ly thân nhau từ giữa năm 2023 cho đến nay. Tại các buổi làm việc và tại phiên tòa, chị **N** vẫn giữ nguyên đề nghị được ly hôn với anh **Danh T**. Tòa án mở phiên hòa giải và phiên tòa theo quy định của pháp luật nhưng anh **T** không đến Tòa án để làm việc theo quy định nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải. Từ đây thể hiện quan hệ hôn nhân giữa chị **N** và anh **T** đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị **N** xin ly hôn anh **T**.

[4] Về người trực tiếp nuôi con khi ly hôn và nghĩa vụ cấp dưỡng cho con

Chị **Phùng Thị N** và anh **Danh T** có 03 con chung là **Danh Thị Hồng N1** sinh ngày 02 tháng 5 năm 2011, **Danh Thúc H**, sinh ngày 11 tháng 5 năm 2014 và **Danh Bảo N2**, sinh ngày 05 tháng 3 năm 2020. Khi ly hôn, chị **N** đề nghị để anh **T** trực tiếp nuôi các con chung. Hội đồng xét xử xét: Tài liệu xác minh tại địa phương và lời khai của đương sự thống nhất thể hiện, từ khi vợ chồng sống ly thân nhau, các con chung đều đang ở cùng anh **T**, được chăm sóc phát triển bình thường và học tập ổn định trên địa bàn **xã H**. Các con **Danh Thị Hồng N1** và **Danh Thúc H** đều có nguyện vọng được ở cùng bố. **Anh T1** hiện là lao động tự do tại địa phương, có chỗ ở ổn định. Mặt khác, anh **T1** có lời khai thể hiện đề nghị được nuôi cả ba con chung. Vì vậy, để ổn định đời sống của các con chung và đảm bảo quyền lợi, nghĩa vụ của các đương sự, căn cứ Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội

đồng xét xử giao cho anh **D T1** trực tiếp nuôi dưỡng các con chung tên **Danh Thị Hồng N1**, **Danh Thúy H** và **Danh Bảo N2**.

Cấp dưỡng nuôi con là nghĩa vụ của người không trực tiếp nuôi con. Chị **Phùng Thị N** đề nghị đề tự thỏa thuận với anh **Danh T** về việc cấp dưỡng nuôi con và không yêu cầu Tòa án giải quyết. **Anh T1** không yêu cầu chị **N** cấp dưỡng nuôi con cùng anh. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con trong vụ án này.

[5] Về tài sản chung, chị **Phùng Thị N** và anh **Danh T** thống nhất không đề nghị Tòa án giải quyết về tài sản chung, do đó Hội đồng xét xử không xem xét về tài sản chung trong vụ án này.

[6] Về án phí, chị **Phùng Thị N** phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35, Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/ UBTWQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Phùng Thị N**:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị **Phùng Thị N** được ly hôn với anh **Danh T**.

2. Về con chung:

Giao cho anh **D T** trực tiếp nuôi dưỡng các con chung tên **Danh Thị Hồng N1** sinh ngày 02 tháng 5 năm 2011, **Danh Thúy H**, sinh ngày 11 tháng 5 năm 2014 và **Danh Bảo N2**, sinh ngày 05 tháng 3 năm 2020 đến khi các con chung thành niên và có khả năng lao động, trừ trường hợp có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Chị **Phùng Thị N** phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Đối trừ với số tiền tạm ứng án phí đã nộp (ghi tại biên lai thu số 0010757 ngày 12/4/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên), chị **Phùng Thị N** đã nộp đủ án phí.

## 6. Về quyền kháng cáo:

Chị **Phùng Thị N** có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh **Danh T** có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

### *Nơi nhận:*

- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND TP. Hải Phòng;
- VKSND H. Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS H. Thủy Nguyên;
- UBND xã Thới Xuân, H. Cờ Đỏ, TP. Cần Thơ;  
(Giấy đăng ký kết hôn ngày 22/9/2010)
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Huân**